

## PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT – DẦU MAZUT NHẸ (LIGHT FUEL OIL)

### PHẦN 1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

#### 1.1 Định dạng sản phẩm

Tên thương mại : Dầu Mazut nhẹ (Light Fuel Oil)

Tên khác : Sản phẩm lọc dầu

Mục đích sử dụng : Nhiên liệu đốt công nghiệp

Số CAS : 8002-05-9

Số UN : UN1202

1.2 Số điện thoại khẩn cấp : Tại NSRP: 02378738541/ Số máy nhánh: 6700 hoặc 6701

1.3 Tên nhà sản xuất và địa chỉ : Công ty TNHH Lọc Hóa dầu Nghi Sơn  
Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Hải Yến, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.

Số điện thoại: +84(0) 237 8738 540; Số fax: +84(0) 237 8738 542

Web: <https://nsrp.vn>

### PHẦN 2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

#### 2.1 Phân loại theo hệ thống GHS:

Chất lỏng dễ cháy : Cấp 1  
Kích ứng mắt : Cấp 2A  
Gây ung thư : Cấp 1B  
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại : Cấp 2  
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn : Cấp 3  
Nguy cơ hít phải : Cấp 1  
Nhiễm độc thủy sinh (lâu dài) : Cấp 2

#### 2.2 Hình đồ cảnh báo:



#### 2.3 Từ cảnh báo: Nguy hiểm

#### 2.4 Thông báo nguy hại

H224 : Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.

- H319 : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.  
H350 : Có thể gây ung thư.  
H304 : Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường thở.  
H336 : Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.  
H373 : Có thể gây tổn thương cho các cơ quan thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.  
H411 : Độc với môi trường thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.

## 2.5 Thông báo phòng ngừa

- P203 : Tiếp nhận, đọc và làm theo hướng dẫn an toàn trước khi sử dụng.  
P210 : Tránh xa nguồn nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn sinh nhiệt khác. Không hút thuốc.  
P271 : Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc nơi thông gió tốt.  
P260 : Không hít hơi, bụi, hơi phun của hóa chất.  
P264 : Rửa sạch tay sau khi xử lý hóa chất.  
P280 : Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ như kính bảo hộ/ quần áo bảo hộ/ kính che toàn mặt nếu cần/ găng tay bảo hộ/ giày bảo hộ đầy đủ.  
P273 : Tránh phát thải ra ngoài môi trường.

## 2.6 Biện pháp ứng biến sự cố

- P318 : Nếu phơi nhiễm hoặc lo lắng hãy tìm tư vấn y tế.  
P319 : Tìm kiếm sự giúp đỡ y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.  
P317 : Nhận trợ giúp y tế khẩn cấp.  
P370+P378 : Trong trường hợp có cháy: Sử dụng các phương án cứu hỏa  
P304+P340 : **NEU HÍT PHẢI:** Đưa nạn nhân ra nơi có không khí trong lành và giữ tư thế thoải mái để thở.  
P301+P316 : **NEU NUỐT PHẢI:** Phải đến ngay cơ sở y tế gần nhất để được cấp cứu.  
P303+P361+P353 : **NEU BỊ DÍNH VÀO DA (hoặc tóc):** Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa DA bằng nước [hoặc tắm].  
P305+P351+P338 : Nếu tiếp xúc mắt: Ngay lập tức rửa sạch với nhiều nước trong vài phút. Loại bỏ len mắt nếu có và có thể dễ dàng thực hiện. Tiếp tục rửa sạch.

## 2.7 Lưu trữ

- P405 : Khóa kho cẩn thận.  
P403+P235 : Lưu trữ trong không gian thoáng hơi và thoáng mát.

## 2.8 Thải bỏ

P501 : Việc thải bỏ phải tuân thủ theo những quy định về thải bỏ chất thải của địa phương, quốc gia, quốc tế.

## PHẦN 3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên hóa chất	Số CAS	Hàm lượng
Dầu mỏ và sản phẩm chưng cất dầu mỏ	8002-05-9	75-100%

## PHẦN 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU Y TẾ

**Tiếp xúc với mắt** : Ngay lập tức rửa sạch với dòng nước chảy trong tối thiểu 15 phút với mí mắt mở. Loại bỏ len mắt nếu có và dễ dàng thực hiện. Yêu cầu sự trợ giúp của nhân viên y tế.

**Tiếp xúc với da** : Tháo bỏ giày dép và quần áo. Sử dụng nước rửa sạch vùng da bị nhiễm hóa chất. Sau khi sơ cứu cần có bộ phận chuyên môn y tế khám, xử lý, tư vấn. Giặt sạch quần áo và giày nhiễm hóa chất trước khi sử dụng lại.

**Tiếp xúc với đường hô hấp** : Di chuyển nạn nhân đến nơi an toàn, thoáng khí và để nạn nhân nằm nghỉ ngơi ở tư thế dễ hô hấp. Nới lỏng cổ áo, cà vạt hoặc dây thắt lưng để nạn nhân dễ thở. Nếu nạn nhân ngừng thở, hoặc thở ngáp cần phải thực hiện Hồi sinh tim phổi (CPR) ngay lập tức (được thực hiện bởi nhân viên đã được đào tạo về sơ cấp cứu ban đầu) và yêu cầu sự trợ giúp khẩn cấp của lực lượng y tế.

**Tiếp xúc theo đường tiêu hóa** : Tuyệt đối không được khuyến khích, trợ giúp nạn nhân nôn mửa vì có thể gây biến chứng phổi trừ khi được sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu nôn mửa xảy ra tự nhiên cần giữ đầu của nạn nhân ở vị trí thấp để chất nôn không tràn vào phổi. Súc miệng bằng nước. Không được cho nạn nhân nuốt bất cứ thứ gì khi đã bất tỉnh. Nhanh chóng yêu cầu sự trợ giúp của nhân viên y tế.

**Chú ý** : Người trợ giúp có thể gặp nguy hiểm khi tiến hành hô hấp nhân tạo. Yêu cầu sự trợ giúp của nhân viên y tế.

## PHẦN 5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

**Phương tiện chữa cháy thích hợp**

- **Cháy nhỏ:** Sử dụng bình bột chữa cháy hoặc bình CO<sub>2</sub>.
- **Cháy lớn:** Phun nước dạng sương để làm mát, dung dịch bột chữa cháy.
- **Chất chữa cháy không phù hợp:** Tránh phun nước dạng tia.

**Các chất độc tạo ra khi cháy** : Khí CO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, hydrocarbon.

- Mối nguy có thể xảy ra khi chữa cháy** : Hơi của sản phẩm nặng hơn không khí và có thể di chuyển xa khỏi nguồn rò rỉ. Nếu gặp nguồn lửa có thể gây cháy ngược đến nguồn phát tán. Sản phẩm khi cháy có thể nổi trên mặt nước.
- Phương tiện trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy** :Thiết bị chữa cháy cố định, xe chữa cháy, xe đẩy bột, bình khí CO<sub>2</sub>, bình bột.  
Mang đầy đủ thiết bị bảo vệ cá nhân và mặt nạ phòng độc hoặc bình dưỡng khí SCBA.

## PHẦN 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố** : Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Cô lập khu vực xảy ra sự cố. Sơ tán những nhân viên không phận sự. Thông báo cho đội ứng phó tình huống khẩn cấp hoặc nhân viên phòng cháy chữa cháy. Kiểm tra nồng độ khí cháy nổ ở khu vực xung quanh.
- Cảnh báo, phòng ngừa về môi trường** : Không được để hóa chất thoát vào môi trường. Tránh để hóa chất thấm vào lòng đất. Nếu sông, hồ, cống rãnh, mương thoát nước bị nhiễm hóa chất phải thông báo cho cơ quan chức năng.
- Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố** : Tránh hít phải hơi sản phẩm. Sơ tán nhân viên đến nơi an toàn. Loại bỏ tất cả các nguồn phát lửa. Tiếp cận nơi xảy ra sự cố từ cuối hướng gió. Hốt và thu gom hóa chất tràn đổ bằng vật liệu không cháy, thấm hút và cho vào thùng chứa để xử lý theo quy định của địa phương (xem phần 13).

## PHẦN 7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** : Chỉ xuất nhập, bơm dầu mazut vào các thiết bị chứa, phương tiện vận chuyển chuyên dụng. Các biện pháp chống tĩnh điện khi bơm dầu cần được áp dụng. Tránh hít trực tiếp phải hơi hay sương. Tránh nguồn cháy nổ - không hút thuốc.  
Không được ném thử hoặc nuốt Nghiêm cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực sử dụng, cất giữ và sản xuất hóa chất.  
Sử dụng các phương tiện bảo hộ cá nhân khi tiếp xúc với hóa chất. Rửa tay và vệ sinh sạch sẽ sau khi làm việc. Tránh thải hóa chất ra môi trường.  
Phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định an toàn để tránh hít phải khí hydro sunfua (H<sub>2</sub>S) có thể tích tụ trong không gian hơi của bình chứa hoặc các thùng chứa.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản** : Bảo quản và sử dụng dầu mazut tại khu vực tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa hay ngọn lửa. Thiết bị chứa phải được đóng kín nắp,

bảo quản tại nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời, dán nhãn rõ ràng, không được gỡ bỏ nhãn trên thiết bị chứa. Các thiết bị chứa đã mở phải được đóng lại cẩn thận và dựng đứng để tránh bị rò rỉ. Thiết bị chứa rỗng hoặc chứa một phần dầu mazut có thể chứa hơi/khí dễ cháy nổ. Tránh các tác động vật lý lên bồn, thùng chứa. Không được hàn, cắt, khoan, mài hoặc thực hiện các thao tác tương tự trên thiết bị chứa hoặc gần khu vực lưu chứa sản phẩm.

Sử dụng các thiết bị chứa đảm bảo an toàn. Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động. Tuân thủ các yêu cầu về đảm bảo an toàn của Nhà nước về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, phòng chống tràn đổ, rò rỉ trong quá trình bảo quản, tồn chứa, vận hành, khai thác sản phẩm. Phải trang bị đầy đủ các thiết bị chữa cháy theo quy định của Nhà nước trong quá trình vận chuyển, tồn chứa, xuất nhập dầu mazut.

## PHẦN 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

### 8.1 Các thông số kiểm soát: Không có thông tin

### 8.2 Biện pháp kiểm soát kỹ thuật:

Sử dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp để giữ mức phơi nhiễm của người lao động đối với các chất ô nhiễm có trong không khí dưới mức giới hạn khuyến nghị hoặc giới hạn pháp lý. Sử dụng thiết bị thông gió chống cháy nổ.

### 8.2 Phương tiện bảo vệ cá nhân

#### Vệ sinh

: Rửa tay, căng tay và mặt kỹ lưỡng sau khi xử lý các sản phẩm hóa chất, trước khi ăn, hút thuốc, sử dụng nhà vệ sinh và vào cuối ca làm việc. Sử dụng các kỹ thuật phù hợp để loại bỏ quần áo có thể bị nhiễm bẩn. Giặt sạch quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại. Đảm bảo rằng các trạm rửa mắt và vòi tắm khăn cấp nằm gần vị trí làm việc.

#### Bảo vệ mắt/mặt

: Kính bảo hộ tuân thủ tiêu chuẩn đã được phê duyệt nên được sử dụng khi đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh tiếp xúc với bắn tung tóe chất lỏng, sương mù, khí hoặc bụi. Nếu có khả năng tiếp xúc, cần đeo bảo vệ sau đây, trừ khi đánh giá chỉ ra rằng cần mức bảo vệ cao hơn: kính bảo hộ chống bắn hóa chất.

#### Bảo vệ tay

: Găng tay chống hóa chất, không thấm nước, tuân thủ tiêu chuẩn đã được phê duyệt, cần được đeo mọi lúc khi xử lý các sản phẩm hóa chất nếu đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết. Tham khảo các thông số được chỉ định bởi nhà sản xuất găng tay, kiểm tra trong quá trình sử dụng để đảm bảo rằng găng tay vẫn giữ

được tính chất bảo vệ của chúng. Cần lưu ý rằng thời gian thẩm thấu của bất kỳ vật liệu găng tay nào có thể khác nhau giữa các nhà sản xuất. Trong trường hợp hỗn hợp gồm nhiều chất khác nhau, thời gian bảo vệ của găng tay không thể được ước tính chính xác. Đeo găng tay phù hợp đã được thử nghiệm theo tiêu chuẩn EN374.

#### Bảo vệ thân thể

: Thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể cần được lựa chọn dựa trên công việc đang thực hiện và các rủi ro liên quan, và phải được chuyên gia phê duyệt trước khi xử lý sản phẩm này. Khi có nguy cơ cháy nổ do tĩnh điện, cần mặc quần áo bảo hộ chống tĩnh điện. Để bảo vệ tối đa khỏi các tia lửa tĩnh điện, quần áo nên bao gồm bộ áo liền quần chống tĩnh điện, giày ủng và găng tay chống tĩnh điện.

#### Bảo vệ hô hấp

: Dựa trên mối nguy hiểm và khả năng phơi nhiễm, chọn loại mặt nạ phòng độc đáp ứng tiêu chuẩn hoặc chứng nhận phù hợp. Mặt nạ phòng độc phải được sử dụng theo chương trình bảo vệ hô hấp để đảm bảo việc lắp vừa, đào tạo, và các khía cạnh quan trọng khác trong quá trình sử dụng.

### PHẦN 9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý	: Lỏng [Chất lỏng nhớt]
Ngoại quan	: Không trong suốt
Màu sắc	: Nâu/Đen [Tối]
Ngưỡng mùi	: Không có thông tin
Mùi	: Đặc trưng
Độ pH	: 7
Điểm đông đặc	: $\leq +24^{\circ}\text{C}$
Điểm sôi	: 0 đến $750^{\circ}\text{C}$ (32 đến $1382^{\circ}\text{F}$ )
Điểm chớp cháy	: $< 30^{\circ}\text{C}$
Tỷ lệ bay hơi	: Không có thông tin
Tính dễ cháy	: Không có thông tin
Giới hạn cháy/nổ trên và dưới	: Dưới: 1% Trên: 5.9%
Áp suất hơi	: Không có thông tin
Khối lượng riêng (tại $15^{\circ}\text{C}$ )	: $\geq 0.85 \text{ kg/L}$



Tỷ trọng hơi	: Không có thông tin
Độ hòa tan	: Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	: Không có thông tin
Nhiệt độ phân hủy	: Không có thông tin
Độ nhớt (tại 50°C)	: ≤ 380 cSt
Thời gian chảy (ISO 2431)	: Không có thông tin

#### PHẦN 10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Không có dữ liệu đặc trưng liên quan đến khả năng phản ứng cho sản phẩm này hoặc thành phần của nó.
Các chất không tương thích	: Phản ứng hoặc không tương thích với những chất có tính oxi hóa.
Tính ổn định	: Sản phẩm này có tính ổn định ở điều kiện nhiệt độ, áp suất thường và điều kiện sử dụng đã được khuyến cáo.
Phản ứng nguy hiểm	: Dưới điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, các phản ứng nguy hiểm không xảy ra.
Phản ứng phân hủy và sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	: Sản phẩm phân hủy có thể chứa những chất sau: Lưu huỳnh oxit, H <sub>2</sub> S.

#### PHẦN 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Ngộ độc cấp tính: đường miệng	: LD50: >5000 mg/kg : Động vật: Chuột
Kích ứng/ Ăn mòn: kích ứng nhẹ mắt	: 100 mg : Động vật: Thỏ
Kích ứng/ Ăn mòn: kích ứng da vừa phải	: 24h 500 mg : Động vật: Thỏ
Ảnh hưởng mãn tính với người	: Có thể gây phá hủy các cơ quan trong thời gian tiếp xúc lâu dài hoặc tiếp xúc lặp lại. Tiếp xúc lâu hoặc lặp lại nhiều lần có thể khử mỡ dưới da gây ăn mòn, phá hủy hoặc viêm da.
Ảnh hưởng độc khác	: Có thể gây ung thư. Nguy cơ gây ung thư phụ thuộc vào thời gian và mức độ tiếp xúc.

**PHẦN 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**

**12.1 Độc đối với sinh vật**

Loài sinh vật	Chu kì ảnh hưởng	Kết quả
Giáp xác- Daphnia magna- Sơ sinh	48h	EC50 0.61 mg/L nước biển
Cây thủy sinh	96h	LC50 >30mg/L nước biển
Giáp xác-Bạch tuộc- sơ sinh	48h	LC50 0.35 ppm nước biển
Cá - Oncorhynchus tshawytscha	96h	LC50 7.46 µg/L nước biển

**12.2 Mức độ phân hủy sinh học** : Không có thông tin

**12.3 Khả năng tích lũy sinh học** : Không có thông tin

**12.4 Độ linh động trong đất** : Không có thông tin

**PHẦN 13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ**


**Thông tin quy định tiêu hủy** : Theo quy định pháp luật hiện hành của nước sở tại về xử lý, tiêu hủy chất thải.

**Xếp loại nguy hiểm của chất thải** : Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành của nước sở tại về quản lý chất thải.

**Biện pháp tiêu hủy** : Việc thải bỏ tuân thủ theo các quy định pháp luật liên quan của nước sở tại.

Hóa chất và thùng chứa nên được thu hồi hoặc tái chế. Chất thải phải được chuyển giao cho đơn vị xử lý chất thải được cấp phép. Không đổ chất thải trực tiếp vào đất, nước. Hơi từ cặn sản phẩm có thể tạo ra hỗn hợp dễ cháy hoặc nổ bên trong thùng chứa. Không được cắt, hàn hoặc mài các thùng chứa đã qua sử dụng trừ khi chúng đã được làm sạch kỹ bên trong. Thiêu đốt chỉ áp dụng nếu không có biện pháp tái chế khả thi.

**PHẦN 14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN**

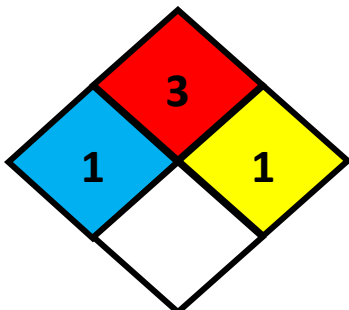
Tên gọi và mô tả	Loại nhóm hàng	Số hiệu UN	Nhãn hiệu, biểu trưng	Biểu trưng nguy hiểm
KHÍ DẦU hoặc DẦU DIESEL hoặc DẦU NÓNG, NHẹ (điểm chớp cháy dưới 60 °C)	3	UN 1202	3	



## PHẦN 15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các văn bản pháp lý hiện hành (bao gồm luật, nghị định, thông tư và các văn bản pháp lý liên quan khác) hướng dẫn các lĩnh vực hóa chất, môi trường, phòng cháy chữa cháy và an toàn và sức khỏe tại nước sở tại và các quy định quốc tế liên quan.

## PHẦN 16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC



Mức nguy hại sức khỏe: 1

Mức độ khả năng cháy: 3

Mức độ khả năng phản ứng: 1

**Hiệp hội phòng cháy chữa cháy quốc gia Hoa Kỳ NFPA**

### Tuyên bố trách nhiệm

Thông tin trình bày trong tài liệu này được tổng hợp từ các nguồn được coi là đáng tin cậy và chính xác theo mức độ hiểu biết và tin cậy nhất mà chúng tôi có. NSRP không đảm bảo (thể hiện hoặc ngụ ý) ngoại trừ những thông tin có thể yêu cầu bởi pháp luật. Thông tin được cung cấp tại thời điểm ban hành tài liệu này chỉ liên quan đến sức khỏe, an toàn và các mối nguy môi trường để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận, sử dụng, vận chuyển sản phẩm an toàn tại nơi làm việc và không thay thế cho bất kỳ đặc điểm chất lượng sản phẩm nào. Thông tin và các khuyến nghị được đề cập ở đây chỉ áp dụng khi sản phẩm được sử dụng đúng với mục đích được công bố. Người dùng hoặc tiếp nhận có trách nhiệm tự đảm bảo sản phẩm được sử dụng phù hợp với mục đích và không nên sử dụng sản phẩm với mục đích khác mà không tham khảo ý kiến từ NSRP. Bạn có thể liên hệ NSRP để đảm bảo rằng tài liệu này là phiên bản mới nhất sẵn có từ NSRP. Việc sửa đổi hoặc sao chép toàn bộ hoặc một phần tài liệu này là không hợp lệ ngoại trừ trong phạm vi luật pháp yêu cầu.